

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1476/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-09-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mai

Bà Trương Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 742/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 05 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Ngọc D; cư trú tại: T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Võ Ngọc G; cư trú tại: T, phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là ông Hồ Ngọc D trình bày: Ông và bà Võ Ngọc G tự nguyện kết hôn năm 1999 và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do đôi bên bắt đầu quan điểm, cách sống và các vấn đề kinh tế chung của gia đình. Từ năm 2017, bà G chuyển về sống tại địa chỉ quận Gò Vấp và vợ chồng bắt đầu sống ly thân đến nay. Ông D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên làm đơn yêu cầu được ly hôn với bà G.

Về con chung: Ông và bà G có 03 con chung là trẻ Hồ Hiếu T1 sinh ngày 28/11/2004, Hồ Hiếu T2 sinh ngày 03/11/1999 (đã thành niên) và Hồ Hiếu N sinh ngày 14/9/2002, đã chết ngày 22/6/2015.

Ông D đồng ý giao cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Hồ Hiếu T1. Ông D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Võ Ngọc G vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và vắng mặt tại phiên tòa dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc ông D yêu cầu ly hôn với bà G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến tham gia phiên tòa vào ngày 16/8/2022 và ngày 15/9/2022 nhưng bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 245 do Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/1999 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản ghi nhận lời khai và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên ông D hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn cương quyết yêu cầu ly hôn. Hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc nhưng vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện, bà G thờ ơ, không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét thấy hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm cách sống. Đôi bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông D yêu cầu ly hôn với bà G là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Ông D đồng ý giao cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Hồ Hiếu T1.

Ông D xác nhận hiện nay, trẻ T1 đang sống ổn định với bà G. Để bảo đảm duy trì ổn định môi trường sống của trẻ, HĐXX quyết định giao trẻ Hồ Hiếu T1,

sinh ngày 28/11/2004 cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ Ngọc D:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Ngọc D được ly hôn với bà Võ Ngọc G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 245 do Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/1999 hết hiệu lực.

Về con chung: Giao con chung Hồ Hiếu T1, sinh ngày 28/11/2004 cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông D không cấp dưỡng nuôi con.

Ông D có quyền, N vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, ông D phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0048400 ngày 24/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Ông D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- THA DS Q.Gò Vấp;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Dương sự
- Lưu

Nguyễn Hoàng Linh